

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1186/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 8 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thúy Nhung

Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Minh C, sinh năm 1986; địa chỉ: 21 đường 381, tổ 12, ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1990; địa chỉ: 21 đường 381, tổ 12, ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp Tòa ngày 29/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị G sau một thời gian tìm hiểu nhau đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/CNKH, quyển số 01/2012 ngày 16/7/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu đời sống vợ chồng hạnh phúc. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do

bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Ông C đã nhiều lần khuyên bà G hãy vì gia đình và con cái sống hòa thuận để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà G vẫn không thay đổi. Đến thời điểm hiện tại, Ông C và bà G đã ly thân được 04 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn như trước, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tại phiên tòa, nguyên đơn Ông C giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà G.

Hai ông bà có 02 con chung tên Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/5/2013 và Trần Minh K, sinh ngày 25/11/2015. Sau khi ly hôn, nguyên đơn ông Trần Minh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/5/2013 và giao con chung Trần Minh K, sinh ngày 25/11/2015 cho bị đơn bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn Ông C không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung Quỳnh N.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị G vắng mặt không rõ lý do, không gửi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị G lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị G tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/CNKH, quyển số 01/2012, ngày 16/7/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: ông Trần Minh C trình bày do không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi làm cuộc sống gia đình rơi vào nhiều bế tắc không hạnh phúc, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông C kiên quyết yêu cầu ly hôn bà G. Bà Nguyễn Thị G không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án đã thể hiện không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị G có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Minh C được ly hôn với bà Nguyễn Thị G là có cơ sở.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Hai ông bà có 02 con chung tên Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/5/2013 và Trần Minh K, sinh ngày 25/11/2015. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/5/2013 đồng thời nguyện vọng của trẻ là mong muốn sống chung với Ông C sau khi ly hôn nên giao trẻ Quỳnh N cho nguyên đơn ông Trần Minh C trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với trẻ Trần Minh K, sinh ngày 25/11/2015 còn nhỏ nên Ông C đề cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Minh C không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung Quỳnh N. Bà G không đến Tòa, không gửi ý kiến về vụ án cho Tòa án, do vậy Hội đồng không xem xét về việc bà G yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Minh K, nếu có tranh chấp về việc cấp dưỡng thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: ông Trần Minh C xác định không có tài sản chung, bà G không đến Tòa, không gửi ý kiến về vụ án cho Tòa án, do vậy Hội đồng không xem xét về tài sản chung, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Xét về nghĩa vụ dân sự chung: ông Trần Minh C xác định không có nghĩa vụ dân sự chung, bà G không đến Tòa, không gửi ý kiến về vụ án cho Tòa án, do vậy Hội đồng không xem xét, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Minh C là được ly hôn bà Nguyễn Thị G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114/CNKH, quyền số 01/2012 ngày 16/7/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị G không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: giao con chung tên Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/5/2013 cho ông Trần Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 25/11/2015 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung không cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí sơ thẩm: ông Trần Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0043952 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Châu Trinh

